

TÒA ÁN NHÂN DÂN
huyện GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 330/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2022

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN huyện GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc An**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Vui**.
2. Ông **Nguyễn Văn Vân**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **La Tương Lai**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Phạm Thị Trúc L**, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp GM, xã BA, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: **Phạm Minh P**, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp TN, xã TH, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 09/02/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị Trúc L trình bày:

Chị và anh Phạm Minh P sống chung và cưới nhau năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Gò Công Đông. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Phúc có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vợ chồng không có hàn gắn trao đổi tình cảm, hiện tại không còn sống chung, không còn liên lạc với nhau. Nay không còn tình cảm với anh Phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phúc.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 03/12/2017. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 01 con chung, yêu cầu anh Phúc cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu H trưởng thành, lao động được.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Phạm Minh P đã được tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Trúc L.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị Trúc L, cho chị L ly hôn với anh Phạm Minh P; giao 01 con chung tên Phạm Minh H cho chị L nuôi dưỡng, anh Phúc không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết; chị L phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Phạm Thị Trúc L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Phạm Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Trúc L và anh Phạm Minh P kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60/2017 ngày 19/9/2017, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị Phạm Thị Trúc L cho rằng quá trình sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do do anh Phúc có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nay không còn tình cảm với anh Phúc nên chị xin ly hôn với anh Phúc.

[4] Bị đơn Phạm Minh P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, vắng mặt tại các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa.

[5] Xét, chị Phạm Thị Trúc L và anh Phạm Minh P đã mâu thuẫn trầm trọng; anh Phúc không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; giữa chị Phạm Thị Trúc L và anh Phạm Minh P không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chị Phạm Thị Trúc L yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Minh P là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[6] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 03/12/2017. Sau

khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 01 con chung, yêu cầu anh Phúc cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu H trưởng thành, lao động được.

[7] Xét, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, Phạm Minh H chưa được 06 tuổi và hiện đang sống chung với chị L và anh Phúc cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị L, giao con chung cho chị Phúc tiếp tục nuôi dưỡng.

[8] Về cấp dưỡng: Chị Phạm Thị Trúc L yêu cầu anh Phạm Minh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H 18 tuổi, lao động được. Anh Phúc không có ý kiến gì đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị L, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị L.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Trúc L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phúc không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, là có căn cứ nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Trúc L phải nộp 600.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Trúc L được ly hôn với anh Phạm Minh P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 03/12/2017. Giao 01 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 03/12/2017 cho chị Phạm Thị Trúc L nuôi dưỡng, anh Phạm Minh P phải cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H 18 tuổi, lao động được và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Minh P chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Trúc L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị L đã nộp 600.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007643 ngày 07/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Chị Phạm Thị Trúc L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Minh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã TH, huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc An